

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nh, huyện L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn H, xã Tr, huyện L, tỉnh H.

Phiên tòa có mặt: Chị H; vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2024; bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

Chị Đỗ Thị H kết hôn với anh Trần Văn T là tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 10 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Đạo (nay là xã Trần Hưng Đạo), huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không tập trung làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Chị H và gia đình bố

mẹ hai bên đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, anh T còn lấy xe máy và máy tính của em trai chị H là anh Đỗ Xuân Ng đi cầm để lấy tiền chơi bài bạc, vợ chồng cãi nhau và mâu thuẫn căng thẳng. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2021, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai, anh T cùng các con chung sống với bố mẹ đẻ tại xã Trần Hưng Đạo, còn chị làm việc tại thành phố Hà Nội nhưng vẫn thường xuyên về thăm gia đình và các con. Đầu năm 2023, anh T bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Trong khoảng thời gian này chị vẫn thường xuyên gửi tiền cho bố mẹ đẻ anh T để chăm sóc các cháu. Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T có 03 con chung là cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 07/9/2015; cháu Trần Thanh T2, sinh ngày 24/8/2017 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 08/10/2019. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng với anh T và ông bà nội tại thôn Hoàng Xuyên, xã Trần Hưng Đạo, huyện Lý Nhân. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị được nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Cháu T1 và cháu T2 đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với chị H.

- Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo ý kiến của ông Trần Văn Đ (bố đẻ anh Trần Văn T) lưu tại hồ sơ: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Cuộc sống hằng ngày giữa anh T và chị H cũng như gia đình chồng hoà thuận không xảy ra mâu thuẫn gì. Khoảng đầu năm 2023, anh T bị Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xử phạt 01 năm tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”. Từ khi anh T đi chấp hành án phạt tù thì giữa vợ chồng anh chị đã không còn tình cảm. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, anh T về sinh sống tại địa phương cùng gia đình ông, còn chị H làm việc trên thành phố Hà Nội nhưng chị H vẫn thường xuyên về thăm gia đình ông và các con. Nay chị H xin ly hôn anh T, ông đề nghị Toà án hoà giải vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Chị H và anh T có 03 con chung như chị H trình bày, các cháu hiện nay đều do gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng; khi Toà án giải quyết ly hôn thì giao các cháu cho chị H và anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn T; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, chị H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị H đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn T; về con chung đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Thanh T1 và cháu Trần Thanh T2; giao cho anh T nuôi dưỡng cháu Trần Thanh D. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn, anh Trần Văn T không chấp hành pháp luật, vắng mặt tại các phiên họp hoà giải và phiên toà sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh T1 và cháu Trần Thanh T2 cho chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao cháu Trần Thanh D cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí ly hôn: Chị H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Đỗ Thị Hồng cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn T không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T là tự nguyện và hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, kết quả xác minh tại địa phương, có căn cứ xác định: Nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T lười lao động, không quan tâm đến vợ con, bản thân ham chơi cờ bạc nợ nần tiền của nhiều người ảnh hưởng đến kinh tế gia đình; ngoài ra anh T còn vi phạm pháp luật phải chấp hành bản án 01 năm tù. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay. Quá trình

giải quyết vụ án và tại phiên toà chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh T không có mặt tại buổi hoà giải và không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị H có 03 con chung là cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 07/9/2015; cháu Trần Thanh T2, sinh ngày 24/8/2017 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 08/10/2019.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị H là người làm ra kinh tế và chăm sóc con chung, bản thân anh T trước đó không có công việc ổn định, không có trách nhiệm với gia đình. Tuy nhiên căn cứ lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị H và anh T hiện nay đều có công việc và thu nhập ổn định, bên cạnh đó các bên đều có gia đình tạo điều kiện về chỗ ở và phụ giúp việc nuôi con chung nên có cơ sở xác định chị H và anh T đều đủ điều kiện để được nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền và nghĩa vụ nuôi con của chị H và anh T khi ly hôn cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con dưới 18 tuổi, nên giao cháu T1 và cháu T2 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu D cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T.
2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thanh T1, sinh ngày 07/9/2015 và cháu Trần Thanh T2, sinh ngày 24/8/2017 cho chị Đỗ Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 09/2024 cho đến khi cháu T1 và cháu T2 đủ 18 tuổi, tự lập.

Giao cháu Trần Thanh D, sinh ngày 08/10/2019 cho anh Trần Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, tự lập.

Chị Đỗ Thị H và anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số: 0000957 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Trần Hưng Đạo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy